

DANH SÁCH LỚP 10 - NĂM HỌC 2026-2027

Lớp	Môn học	Số lượng
10A1	Lý, Hóa, Sinh, Tin (CĐ: Lý, Hóa, Sinh)	41
10A2	Lý, Hóa, Sinh, Tin (CĐ: Lý, Hóa, Sinh)	42
10A3	Hóa, Sinh, Tin, CNNN (CĐ: Toán, Hóa, Sinh)	44
10A4	Lý, Hóa, Tin, CNCN (CĐ: Toán, Lý, Hóa)	44
10A5	Hóa, Địa, GDKT&PL, Tin (CĐ: Văn, Sử, Địa)	44
10A6	Hóa, Địa, GDKT&PL, Tin (CĐ: Văn, Sử, Địa)	42
10A7	Lý, Địa, GDKT&PL, Tin (CĐ: Văn, GDKT&PL, Tin)	42
10A8	Hóa, Địa, GDKT&PL, Tin (CĐ: Văn, Sử, Tin).	40
10A9	Sinh, Địa, GDKT&PL, Tin (CĐ: Văn, Sử, Tin).	42

381

STT	Số báo danh	Họ và tên	Lớp	Ghi chú
1	140076	Huỳnh Ngọc Ngân Châu	10A8	
2	280103	Dương Thị Ngọc Hân	10A8	
3	280110	Nguyễn Trần Gia Hân	10A8	
4	430001	Phan Nguyễn Hồng An	10A9	
5	430002	Dương Nguyễn Thảo An	10A6	
6	430003	Phạm Nguyễn Thúy An	10A9	
7	430004	Lê Thị Thúy An	10A4	
8	430005	Huỳnh Văn An	10A9	
9	430006	Dương Hoàng Ân	10A5	
10	430007	Tổng Thiên Ân	10A4	
11	430008	Võ Thiên Ân	10A4	
12	430009	Nguyễn Bảo Huỳnh Anh	10A3	
13	430010	Dương Huỳnh Trâm Anh	10A9	
14	430011	Nguyễn Ngọc Bảo Anh	10A1	
15	430012	Nguyễn Ngọc Quỳnh Anh	10A1	
16	430013	Lê Nhật Anh	10A5	
17	430014	Nguyễn Quốc Anh	10A7	
18	430015	Mai Quỳnh Anh	10A1	
19	430016	Phan Quỳnh Anh	10A3	
20	430017	Trần Thái Anh	10A1	
21	430018	Phan Trần Phương Anh	10A4	
22	430019	Lê Vương Bảo Anh	10A7	
23	430020	Nguyễn Hoàng Nguyệt Ánh	10A7	
24	430021	Lê Trần Khánh Băng	10A3	
25	430022	Nguyễn Chỉ Gia Bảo	10A4	
26	430024	Lê Gia Bảo	10A2	
27	430025	Nguyễn Gia Bảo	10A1	
28	430027	Phạm Gia Bảo	10A9	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Lớp	Ghi chú
29	430028	Trần Gia Bảo	10A6	
30	430029	Võ Nguyễn Gia Bảo	10A1	
31	430030	Trang Trí Bảo	10A4	
32	430031	Nguyễn Văn Gia Bảo	10A6	
33	430032	Nguyễn Ngọc Minh Châu	10A6	
34	430033	Nguyễn Thị Kim Chi	10A1	
35	430034	Nguyễn Gia Chuẩn	10A4	
36	430035	Dương Thành Công	10A1	
37	430036	Phan Thành Công	10A5	
38	430037	Châu Hồng Cúc	10A3	
39	430039	Nguyễn Công Danh	10A8	
40	430040	Trần Chí Diễm	10A1	
41	430041	Hồ Huỳnh Cẩm Diễm	10A3	
42	430042	Trần Thị Hồng Diệp	10A7	
43	430043	Lê Nghĩa Dũng	10A1	
44	430044	Trần Thị Mỹ Dung	10A2	
45	430045	Nguyễn Thị Thùy Dung	10A3	
46	430046	Nguyễn Đặng Thùy Dương	10A9	
47	430047	Đoàn Nguyễn Dương	10A4	
48	430048	Lê Văn Dương	10A5	
49	430049	Nguyễn Nhựt Duy	10A6	
50	430050	Nguyễn Lê Kiều Duyên	10A4	
51	430051	Dương Thị Mỹ Duyên	10A5	
52	430052	Dương Thị Thuỳ Duyên	10A7	
53	430053	Dương Tôn Kim Duyên	10A7	
54	430054	Dương Thế Dy	10A9	
55	430055	Võ Ngọc Linh Đa	10A8	
56	430056	Nguyễn Hải Đăng	10A7	
57	430057	Nguyễn Lê Thanh Đào	10A1	
58	430058	Trương Thị Huỳnh Đào	10A6	
59	430059	Lưu Tấn Đạt	10A7	
60	430060	Lê Văn Đậu	10A2	
61	430061	Nguyễn Hoàng Đệ	10A8	
62	430062	Nguyễn Thị Nghi Đình	10A1	
63	430063	Trần Thị Hồng Đoan	10A8	
64	430064	Ngô Thị Hồng Gấm	10A5	
65	430065	Huỳnh Đại Gia	10A5	
66	430066	Ngô Hoàng Gia	10A5	
67	430068	Dương Thị Cẩm Giang	10A4	
68	430069	Tạ Thị Ngọc Giàu	10A3	
69	430070	Nguyễn Khánh Hà	10A3	
70	430071	Nguyễn Khánh Hà	10A6	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Lớp	Ghi chú
71	430072	Phạm Thị Minh Hà	10A1	
72	430073	Đinh Mai Phước Hải	10A2	
73	430074	Trần Văn Hải	10A6	
74	430075	Phan Bảo Hân	10A7	
75	430076	Nguyễn Bùi Gia Hân	10A6	
76	430077	Lý Gia Hân	10A8	
77	430078	Nguyễn Gia Hân	10A2	
78	430079	Nguyễn Ngọc Hân	10A8	
79	430080	Nguyễn Thị Hân	10A2	
80	430081	Nguyễn Thị Ngọc Hân	10A9	
81	430082	Nguyễn Thị Ngọc Hân	10A8	
82	430084	Đoàn Lê Diễm Hằng	10A5	
83	430085	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	10A9	
84	430086	Phạm Gia Hào	10A6	
85	430087	Hồ Hoài Hào	10A5	
86	430088	Trương Phú Hào	10A5	
87	430089	Lê Công Hậu	10A7	
88	430090	Phạm Vinh Hiền	10A7	
89	430091	Cao Minh Hiếu	10A6	
90	430092	Huỳnh Minh Hiếu	10A5	
91	430093	Đỗ Thanh Hòa	10A5	
92	430094	Trần Thị Huỳnh Hoa	10A9	
93	430095	Lương Huy Hoàng	10A3	
94	430096	Huỳnh Đoàn Hoài Hôn	10A1	
95	430097	Lâm Gia Hưng	10A5	
96	430098	Nguyễn Phạm Khánh Hưng	10A5	
97	430099	Phan Quỳnh Hương	10A2	
98	430100	Nguyễn Thanh Hường	10A3	
99	430101	Đinh Thị Mỹ Hương	10A6	
100	430102	Nguyễn Gia Huy	10A4	
101	430103	Ung Gia Huy	10A7	
102	430104	Nguyễn Hoàng Huy	10A6	
103	430105	Lê Minh Hoàng Huy	10A4	
104	430106	Nguyễn Quốc Huy	10A4	
105	430107	Võ Quốc Huy	10A7	
106	430108	Nguyễn Trung Huy	10A4	
107	430109	Nguyễn Thúy Huyền	10A4	
108	430110	Lê Nguyễn Như Huỳnh	10A2	
109	430111	Nguyễn Thị Mai Huỳnh	10A4	
110	430113	Phan Nguyễn Khả	10A4	
111	430115	Hứa Hoàng Khang	10A4	
112	430116	Bùi Huỳnh Trọng Khang	10A4	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Lớp	Ghi chú
113	430117	Trang Lâm Khang	10A7	
114	430118	Trần Phúc Khang	10A9	
115	430119	Trần Thanh Khang	10A9	
116	430121	Nguyễn Trần Vĩ Khang	10A6	
117	430122	Nguyễn Trọng Khang	10A7	
118	430123	Phạm Trọng Khang	10A8	
119	430124	Trương Trọng Khang	10A3	
120	430125	Huỳnh Tuấn Khang	10A1	
121	430126	Quách Tuấn Khang	10A4	
122	430127	Lê Võ Hoài Khang	10A5	
123	430128	Trần Chí Khánh	10A9	
124	430129	Nguyễn Lê Nhật Khánh	10A2	
125	430130	Võ Trần Ngân Khánh	10A8	
126	430131	Phạm Gia Khiêm	10A1	
127	430132	Hồ Quốc Anh Khoa	10A3	
128	430133	Nguyễn Tấn Khoa	10A7	
129	430134	Trần Anh Khôi	10A6	
130	430135	Trần Đăng Khôi	10A4	
131	430136	Trần Đăng Khôi	10A8	
132	430137	Nguyễn Minh Khôi	10A5	
133	430138	Bào Nguyễn Anh Khôi	10A3	
134	430139	Nguyễn Trương Đăng Khôi	10A6	
135	430140	Nguyễn Lê Tuấn Kiệt	10A9	
136	430141	Lương Thế Kiệt	10A6	
137	430142	Huỳnh Tuấn Kiệt	10A2	
138	430143	Nguyễn Tuấn Kiệt	10A9	
139	430144	Nguyễn Tuấn Kiệt	10A6	
140	430145	Nguyễn Lê Thiên Kim	10A1	
141	430146	Lê Thị Thiên Kim	10A8	
142	430147	Nguyễn Gia Kỳ	10A4	
143	430148	Nguyễn Gia Kỳ	10A9	
144	430149	Nguyễn Ngọc Tường Lam	10A2	
145	430150	Đoàn Thị Tường Lam	10A2	
146	430151	Nguyễn Tường Lam	10A3	
147	430152	Nguyễn Vũ Lâm	10A4	
148	430153	Huỳnh Ngọc Lan	10A4	
149	430154	Trần Hà Linh	10A3	
150	430155	Huỳnh Thị Mai Linh	10A2	
151	430156	Trịnh Trương Minh Lịnh	10A2	
152	430157	Nguyễn Hữu Lộc	10A8	
153	430158	Nguyễn Lê Tấn Lộc	10A5	
154	430160	Lê Nguyễn Hữu Lộc	10A9	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Lớp	Ghi chú
155	430161	Nguyễn Phú Lộc	10A7	
156	430163	Tăng Tấn Lộc	10A7	
157	430164	Phan Nguyễn Nhật Long	10A9	
158	430165	Nguyễn Thành Long	10A6	
159	430166	Nguyễn Hữu Lực	10A6	
160	430167	Phan Thị Kha Ly	10A5	
161	430168	Phan Thị Trúc Mai	10A1	
162	430169	Phạm Trúc Mai	10A5	
163	430170	Châu Nguyễn Duy Mạnh	10A7	
164	430171	Phạm Bình Minh	10A3	
165	430172	Trần Duy Minh	10A1	
166	430173	Đình Hoàng Minh	10A8	
167	430174	Huỳnh Hoàng Minh	10A9	
168	430175	Đỗ Lý Xuân Minh	10A1	
169	430176	Đoàn Ngọc Minh	10A7	
170	430177	Đặng Phạm Thu Minh	10A5	
171	430178	Hà Thị Minh Minh	10A2	
172	430179	Nguyễn Ái Mỹ	10A3	
173	430180	Trần Thị Diễm My	10A1	
174	430182	Nguyễn Thị Kiều My	10A9	
175	430183	Nguyễn Tôn Diễm My	10A6	
176	430184	Võ Thị Cẩm Nga	10A3	
177	430185	Nguyễn Bảo Ngân	10A2	
178	430186	Lê Đặng Thảo Ngân	10A1	
179	430187	Mai Kim Ngân	10A3	
180	430188	Trương Quỳnh Ngân	10A4	
181	430189	Dương Thanh Ngân	10A5	
182	430190	Phan Thị Kim Ngân	10A8	
183	430191	Nguyễn Phương Nghi	10A1	
184	430192	Nguyễn Hiếu Nghĩa	10A9	
185	430193	Nguyễn Trọng Nghĩa	10A1	
186	430194	Trương Trọng Nghĩa	10A9	
187	430195	Huỳnh Bảo Ngọc	10A9	
188	430196	Nguyễn Hồ Bảo Ngọc	10A3	
189	430197	Nguyễn Lê Như Ngọc	10A3	
190	430198	Lê Nguyễn Minh Ngọc	10A3	
191	430199	Nguyễn Tấn Ngọc	10A7	
192	430200	Trần Thị Kim Ngọc	10A2	
193	430201	Trương Thị Mộng Ngọc	10A5	
194	430202	Ngô Thị Mỹ Ngọc	10A2	
195	430203	Ngô Lê Nguyễn	10A6	
196	430204	Nguyễn Quốc Nguyên	10A7	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Lớp	Ghi chú
197	430205	Lê Thị Thảo Nguyên	10A3	
198	430206	Lê Hoàng Nhân	10A6	
199	430207	Dương Hữu Nhân	10A1	
200	430208	Lê Thành Nhân	10A6	
201	430209	Võ Trọng Nhân	10A3	
202	430210	Nguyễn Trung Nhân	10A7	
203	430211	Lâm Văn Nhân	10A1	
204	430212	Nguyễn Hoàng Nhất	10A7	
205	430213	Võ Hoàng Minh Nhật	10A5	
206	430214	Nguyễn Huỳnh Nhật	10A8	
207	430215	Dương Ngọc Nhi	10A7	
208	430216	Võ Ngọc Nhi	10A5	
209	430217	Nguyễn Ngọc Khánh Nhi	10A3	
210	430218	Nguyễn Thị Thúy Nhi	10A6	
211	430219	Nguyễn Thị Tuyết Nhi	10A9	
212	430220	Lâm Thị Yến Nhi	10A9	
213	430221	Nguyễn Thị Yến Nhi	10A3	
214	430223	Lý Thúy Nhi	10A2	
215	430224	Nguyễn Thị Mỹ Nhiên	10A6	
216	430225	Sử Bảo Như	10A6	
217	430226	Mã Huỳnh Mỹ Như	10A1	
218	430227	Nguyễn Lê Quỳnh Như	10A4	
219	430228	Trương Ngọc Như	10A6	
220	430229	Nguyễn Thị Hạnh Như	10A5	
221	430230	Nguyễn Thị Quỳnh Như	10A5	
222	430231	Nguyễn Trần Quỳnh Như	10A7	
223	430232	Bùi Trương Quỳnh Như	10A1	
224	430233	Võ Thanh Nhựt	10A2	
225	430234	Cao Bảo Ny	10A1	
226	430236	Võ Minh Phát	10A8	
227	430237	Nguyễn Thanh Phát	10A2	
228	430238	Nguyễn Thiện Phát	10A8	
229	430239	Nguyễn Quang Phú	10A1	
230	430240	Nguyễn Thái Phú	10A2	
231	430241	Lê Thanh Phú	10A3	
232	430242	Trần Thanh Phú	10A9	
233	430243	Hà Gia Phúc	10A6	
234	430245	Hồ Hoàng Phúc	10A8	
235	430247	Võ Hoàng Phúc	10A1	
236	430248	Lê Minh Phúc	10A6	
237	430249	Tạ Nguyễn Hồng Phúc	10A4	
238	430250	Nguyễn Hà Phương	10A3	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Lớp	Ghi chú
239	430251	Ung Huỳnh Mai Phương	10A5	
240	430252	Lý Lan Phương	10A9	
241	430253	Phan Thị Kiều Phương	10A5	
242	430254	Mai Việt Quân	10A7	
243	430255	Nguyễn Lê Nhật Quang	10A7	
244	430256	Trần Vinh Quang	10A5	
245	430257	Trần Gian Kiến Quốc	10A2	
246	430259	Nguyễn Hoàng Phú Quý	10A2	
247	430260	Huỳnh Ngọc Quý	10A8	
248	430262	Nguyễn Thị Hồng Quý	10A8	
249	430263	Nguyễn Thị Phương Quyên	10A9	
250	430264	Lê Thị Tú Quyên	10A5	
251	430265	Trương Đỗ Như Quỳnh	10A9	
252	430266	Lý Phương Quỳnh	10A2	
253	430267	Nguyễn Phú Sang	10A2	
254	430269	Lê Minh Thiên Tài	10A5	
255	430270	Nguyễn Phúc Tài	10A2	
256	430271	Nguyễn Văn Tài	10A7	
257	430272	Trần Hoàng Bảo Tâm	10A4	
258	430273	Nguyễn Minh Tâm	10A7	
259	430274	Phạm Nguyễn Nhật Tân	10A8	
260	430275	Nguyễn Quốc Tấn	10A7	
261	430276	Nguyễn Minh Thạc	10A9	
262	430277	Võ Lê Văn Thái	10A6	
263	430278	Trần Văn Ngọc Thái	10A7	
264	430279	Nguyễn Việt Thái	10A7	
265	430280	Võ Thị Ngọc Thắm	10A2	
266	430281	Ung Băng Thanh	10A7	
267	430282	Nguyễn Công Thành	10A2	
268	430283	Nguyễn Thị Thanh	10A7	
269	430285	Huỳnh Phương Thảo	10A9	
270	430286	Trương Ngọc Khánh Thi	10A1	
271	430287	Nguyễn Trúc Thi	10A4	
272	430288	Tổng Hạo Thiên	10A2	
273	430289	Nguyễn Phước Thiện	10A8	
274	430290	Trần Thị Diệu Thiện	10A6	
275	430291	Lê Cường Thịnh	10A6	
276	430293	Võ Quốc Thịnh	10A7	
277	430294	Nguyễn Anh Thơ	10A2	
278	430295	Hồ Hoàng Minh Thơ	10A9	
279	430296	Lê Thị Anh Thơ	10A8	
280	430297	Trần Thị Anh Thơ	10A5	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Lớp	Ghi chú
281	430298	Bùi Võ Anh Thơ	10A2	
282	430299	Lê Nguyễn Hoàng Thông	10A2	
283	430300	Phạm Huỳnh Minh Thư	10A3	
284	430301	Võ Lê Anh Thư	10A3	
285	430302	Nguyễn Minh Thư	10A4	
286	430303	Trần Ngọc Minh Thư	10A4	
287	430304	Đoàn Nguyễn Minh Thư	10A3	
288	430305	Trần Võ Anh Thư	10A9	
289	430306	Phan Minh Thuận	10A8	
290	430307	Nguyễn Văn Quốc Thuận	10A5	
291	430308	Nguyễn Phan Hoài Thương	10A5	
292	430309	Đoàn Bảo Thuy	10A1	
293	430310	Nguyễn Thanh Thùy	10A6	
294	430311	Phạm Thị Minh Thùy	10A9	
295	430312	Nguyễn Thị Bảo Thy	10A8	
296	430313	Nguyễn Phước Tiến	10A8	
297	430314	Trần Quốc Tiến	10A3	
298	430315	Tô Thành Tiến	10A5	
299	430316	Nguyễn Thị Kiều Tiên	10A1	
300	430317	Nguyễn Thị Mỹ Tiên	10A6	
301	430318	Nguyễn Thanh Tín	10A9	
302	430319	Nguyễn Quốc Tình	10A2	
303	430320	Nguyễn Trung Tính	10A4	
304	430321	Nguyễn Anh Toàn	10A8	
305	430322	Nguyễn Quốc Toàn	10A5	
306	430323	Mai Huyền Trâm	10A7	
307	430324	Lê Kiều Trâm	10A1	
308	430325	Trương Ngọc Trâm	10A9	
309	430326	Trần Thị Ngọc Trâm	10A9	
310	430327	Trương Thị Ngọc Trâm	10A3	
311	430328	Phạm Huyền Trân	10A7	
312	430329	Nguyễn Huỳnh Ngọc Trân	10A5	
313	430330	Ngô Thị Thùy Trang	10A3	
314	430331	Nguyễn Gia Trí	10A3	
315	430332	Phan Minh Trí	10A6	
316	430334	Lê Thị Tuyết Trinh	10A3	
317	430335	Huỳnh Văn Trọn	10A6	
318	430336	Trần Phước Trọng	10A9	
319	430337	Phạm Lê Thanh Trúc	10A1	
320	430338	Cao Thị Mỹ Trúc	10A4	
321	430339	Nguyễn Thị Ngọc Trúc	10A5	
322	430340	Võ Thị Thanh Trúc	10A1	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Lớp	Ghi chú
323	430341	Phan Quốc Trường	10A8	
324	430342	Mai Dương Mẫn Tuệ	10A8	
325	430343	Nguyễn Quốc Tùng	10A4	
326	430344	Nguyễn Thị Hồng Tươi	10A3	
327	430345	Đỗ Gia Tường	10A4	
328	430346	Hồ Gia Tường	10A8	
329	430347	Lê Nhựt Tường	10A5	
330	430348	Lê Quân Tường	10A4	
331	430349	Dương Trần Gia Tường	10A7	
332	430350	Võ Ngọc Tuyền	10A3	
333	430351	Lê Hoàng Tỷ	10A2	
334	430352	Lê Thành Tỷ	10A4	
335	430353	Nguyễn Lê Thảo Uyên	10A6	
336	430354	Đinh Nguyễn Khánh Uyên	10A4	
337	430355	Nguyễn Thúy Uyên	10A8	
338	430356	Tiêu Hải Vân	10A8	
339	430357	Nguyễn Kim Vàng	10A2	
340	430358	Võ Nguyễn Tường Vi	10A1	
341	430359	Thái Thảo Vi	10A2	
342	430360	Nguyễn Công Vinh	10A8	
343	430361	Phạm Đặng Công Vinh	10A4	
344	430362	Lê Quang Vinh	10A5	
345	430363	Trần Quang Vinh	10A2	
346	430364	Phạm Võ Quốc Vinh	10A8	
347	430365	Thái Huy Vũ	10A3	
348	430366	Nguyễn Đỗ Thảo Vy	10A9	
349	430367	Trần Hà Vy	10A6	
350	430368	Văn Khả Vy	10A4	
351	430369	Trần Lê Huỳnh Vy	10A1	
352	430370	Đoàn Ngọc Tường Vy	10A3	
353	430371	Cao Thị Nhã Vy	10A3	
354	430372	Phan Thị Thúy Vy	10A8	
355	430373	Lê Thị Tường Vy	10A4	
356	430374	Phạm Thị Tường Vy	10A3	
357	430375	Võ Thị Tường Vy	10A2	
358	430376	Nguyễn Tường Vy	10A9	
359	430377	Nguyễn Tường Vy	10A2	
360	430378	Nguyễn Thị Cẩm Xuyên	10A8	
361	430379	Nguyễn Kim Ý	10A9	
362	430380	Dương Ngọc Như Ý	10A8	
363	430381	Võ Ngọc Như Ý	10A3	
364	430382	Võ Như Ý	10A2	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Lớp	Ghi chú
365	430383	Huỳnh Thị Như Ý	10A9	
366	430384	Huỳnh Thị Như Ý	10A7	
367	430385	Ngô Thị Như Ý	10A1	
368	430386	Nguyễn Thị Như Ý	10A6	
369	430387	Nguyễn Thị Như Ý	10A7	
370	430388	Nguyễn Thị Như Ý	10A2	
371	430389	Phạm Thị Như Ý	10A6	
372	430390	Võ Thị Như Ý	10A1	
373	430391	Võ Tuyên Như Ý	10A6	
374	430392	Dương Hải Yến	10A4	
375	430393	Phan Kim Yến	10A4	
376	430394	Võ Ngọc Yến	10A4	
377	430395	Sử Ngọc Như Yến	10A5	
378	430396	Võ Thị Ngọc Yến	10A3	
379	2107402413	Lưu Thành Đạt	10A5	10A5 (25-26)
380	2204280391	Hà Huỳnh Hữu Phước	10A5	10A5 (25-26)
381	2306237780	Nguyễn Vĩnh Huy	10A7	10A7 (25-26)